

KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

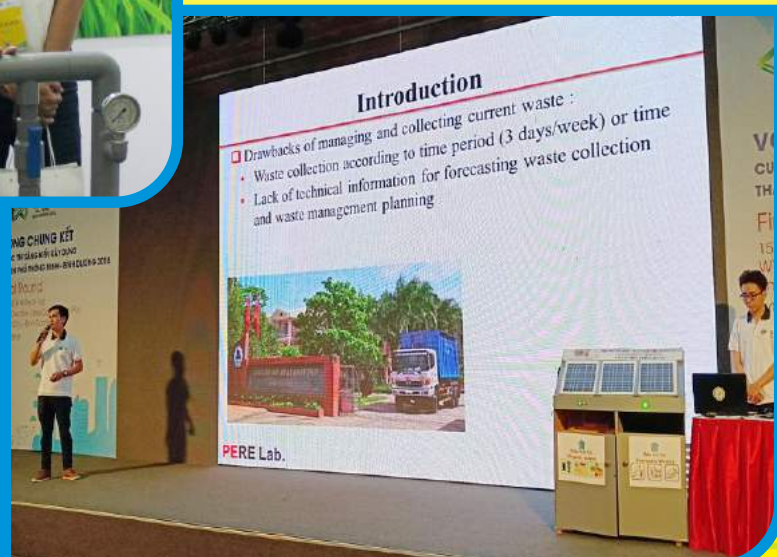
TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ KH&CN - SỞ KH&CN BÌNH DƯƠNG XUẤT BẢN

Số 08.2018

Trao 51 Giải thưởng trong Cuộc thi

Sáng tạo dành cho thanh thiếu niên, nhi đồng tỉnh Bình Dương lần thứ XIV

Thực trạng nhu cầu và giải pháp
thúc đẩy ứng dụng chuyển giao
công nghệ trong nông nghiệp
tại Việt Nam





Đẩy mạnh chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp



*Ông Đặng Minh Hưng – Phó Chủ tịch UBND tỉnh
tặng Bằng khen của UBND tỉnh cho nhóm tác giả đạt giải nhất*



*Ông Nguyễn Bình Phước - PGĐ Sở KH&CN
trao giải khuyến khích cho cá nhân và tập thể tham gia cuộc thi*



Sản phẩm ứng dụng, chuyển giao công nghệ được giới thiệu tại Hội nghị Nông dân sản xuất kinh doanh giỏi.

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**26 Huỳnh Văn Nghệ, P. Phú Lợi,
TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương**

Điện thoại: (0274) 3904 669

Fax: (0274)3856 057

Email: thongtinkhcn@binhduong.gov.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Nguyễn Bình Phước

Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

BAN BIÊN TẬP

Trần Trọng Tuyên

Lê Vương Duy

Nguyễn Thị Thơ Mộng

Trình bày:

Nguyễn Thị Thơ Mộng

TRONG SỐ NÀY...

- ♦ Thực trạng nhu cầu và giải pháp thúc đẩy ứng dụng chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp tại Việt Nam **6**
- ♦ Đề ra nhiều giải pháp để phát triển thị trường khoa học và công nghệ **8**
- ♦ Hiệu quả từ việc xây dựng và triển khai các chính sách khoa học và công nghệ **10**
- ♦ Hiệu quả bước đầu sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao tại huyện Bàu Bàng **12**
- ♦ Bảo tồn và phát huy bền vững nghệ thuật đơn ca tài tử ở Bình Dương **14**
- ♦ Giữ gìn, giáo dục lòng yêu nước, truyền thống tốt đẹp của phụ nữ miền Nam thời kỳ hội nhập từ thực tiễn hoạt động của Bảo tàng Phụ nữ Nam bộ **18**

TRAO 51 GIẢI THƯỞNG CHO CUỘC THI SÁNG TẠO DANH CHO THANH THIẾU NIÊN, NHI ĐỒNG TỈNH BÌNH DƯƠNG LẦN THỨ XIV

Đó là tổng số Giải thưởng gồm trao 01 Giải nhất; 07 Giải nhì; 08 Giải ba; 13 Giải khuyến khích và 22 Giải phong trào được trao cho các tác giả, nhóm tác giả của các sản phẩm đoạt giải tại Lễ tổng kết và Trao giải Cuộc thi Sáng tạo dành cho thanh thiếu niên, nhi đồng tỉnh Bình Dương lần thứ XIV năm 2017 - 2018 được tổ chức ngày 04/10/2018 tại hội trường Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.



Tại buổi lễ, ông Nguyễn Xuân Ngân - Phó Chủ tịch thường trực Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh cho biết: Cuộc thi được phát động từ tháng 10/2017 đến ngày 31/3/2018 và sau đó tiến hành công tác sơ loại tại các huyện thị, thành đoàn. Đến tháng 04/2018, Ban Tổ chức đã nhận được 1.035 sản phẩm tham gia dự thi thuộc các lĩnh vực: Đồ dùng dành cho học tập (127 sản phẩm); đồ chơi trẻ em và đồ dùng phục vụ giải trí (353 sản phẩm); các dụng cụ sinh hoạt gia đình (282 sản phẩm); giải pháp phục vụ sản xuất, bảo vệ môi trường (259 sản phẩm) và

lĩnh vực phần mềm tin học (14 sản phẩm). Sau khi tiếp nhận, Ban Tổ chức đã tiến hành sơ tuyển các sản phẩm dự thi về nội dung và hình thức. Kết quả có 108 sản phẩm được chọn và chuyển sang hội đồng chấm thi phân biện, đánh giá.

Phát biểu tại buổi lễ, ông Đặng Minh Hưng - Phó Chủ tịch UBND tỉnh cho biết: Ông ghi nhận và biểu dương những đóng góp tiêu biểu của các em, cùng với sự nỗ lực, phối hợp của các cơ quan, đơn vị đã góp phần cho sự thành công của cuộc thi Sáng tạo dành cho thanh thiếu niên nhi đồng của tỉnh và cuộc thi

toàn quốc lần thứ 14 năm 2017 - 2018 nói chung. Qua đó, ông đề nghị Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật tỉnh tiếp tục chủ trì phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo và Tỉnh đoàn tổ chức tuyên truyền rộng rãi mục đích và ý nghĩa cuộc thi đến thầy cô

Tiếp theo trang 25



Hội thảo ứng dụng phần mềm chia sẻ thông tin, quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ vùng Đông Nam bộ



Ngày 30/10/2018, tại hội trường Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN, Cục Công tác phía Nam phối hợp cùng Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Dương tổ chức hội thảo “Ứng dụng phần mềm chia sẻ thông tin, quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ vùng Đông Nam bộ”.

Chương trình được thực hiện căn cứ theo biên bản thỏa thuận về việc phối hợp thực hiện liên kết hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) đã được ký kết giữa Cục Công tác phía Nam và các Sở Khoa học và Công nghệ vùng Đông Nam bộ tại tỉnh Bà Rịa - Vũng tàu vào ngày 30/8/2018 vừa qua.

Tại hội thảo, ông Vương Đình Thành - Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN (đơn vị trực thuộc Sở

Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Dương) đã trực tiếp giới thiệu phần mềm chia sẻ thông tin, quản lý nhiệm vụ KH&CN trong vùng Đông Nam bộ đến đại biểu tham dự. Phần mềm này được thiết kế theo Thông tư 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về thu thập, đăng ký lưu giữ và công bố nhiệm vụ KH&CN. Trong đó, ngoài những thông tin về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được cập nhật, lưu trữ theo Thông tư 14/2014/TT-BKHCN thì trên hệ thống phần mềm còn bổ sung thêm các chức năng quản lý, lưu trữ các cơ sở dữ liệu liên quan tới các Sở Khoa học và Công nghệ như: Cơ sở dữ liệu các nhà khoa học; báo cáo ứng dụng và báo cáo hoạt động; thông tin về thẩm định các nhiệm vụ KH&CN; thông tin về thành tựu KH&CN;...

Phát biểu tại hội thảo, ông Phạm Xuân Đà - Cục trưởng Cục Công tác phía Nam, Bộ KH&CN cho biết: Phần mềm này sẽ giúp nâng cao năng lực quản lý hoạt động KH&CN, hỗ trợ các Sở KH&CN nắm bắt, chia sẻ thông tin kịp thời và có sự thống nhất về hệ thống cơ sở dữ liệu theo chuẩn chung. Đồng thời, việc liên kết và chia sẻ thông tin các nhiệm vụ KH&CN trong vùng kịp thời sẽ giúp tránh trùng lặp các nhiệm vụ đã và đang được triển khai nghiên cứu. Do đó, việc phối hợp xây dựng các nhiệm vụ nhằm góp phần giải quyết các vấn đề KH&CN đặt ra cho cả vùng Đông Nam bộ thông qua Trang thông tin điện tử. ▲

Thảo Nguyễn



Sinh hoạt Kỷ niệm Ngày pháp luật 09/11

Ngày 09/11/2018, tại hội trường Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ đã diễn ra buổi sinh hoạt Kỷ niệm Ngày Pháp luật nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam dành cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) tại các đơn vị, trực thuộc Sở.

Tại buổi sinh hoạt, chuyên viên Nguyễn Minh Thông - Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ đã phổ biến mục đích, ý nghĩa của Ngày pháp luật; Kế hoạch số 4222/KH-UBND ngày 10/9/2018 về tổ chức Ngày pháp luật nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;...

Ngày 09/11 hàng năm được chọn là Ngày pháp luật nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm tôn vinh hiến pháp, pháp luật, giáo dục ý thức thượng tôn pháp luật cho mọi người trong xã hội. Đồng thời, nâng cao nhận thức của mọi người về vai trò của luật pháp trong đời sống; tăng cường sự hiểu biết pháp luật và khả năng thực thi pháp luật trong hoạt động quản lý nhà nước, hoạt động kinh tế xã hội và sinh hoạt hàng ngày của

người dân.

Hưởng ứng tinh thần Ngày pháp luật 09/11 hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ cũng đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực. Cụ thể, sau 05 năm triển khai thực hiện triển khai Luật Phổ biến giáo dục pháp luật, Đảng ủy Sở đã ban hành 01 Nghị quyết lồng ghép vào nội dung Nghị quyết hàng tháng của Đảng ủy; xây dựng 01 kế hoạch triển khai Chương trình phổ biến giáo dục pháp luật giai đoạn 2017 - 2018 và 05 kế hoạch tổ chức kỷ niệm Ngày pháp luật 09/11 hàng năm. Và Sở cũng sẽ tiếp tục chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành ở Trung ương và địa phương tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các chương trình, đề án của ngành đến các tổ chức, cá nhân trong thời gian tới. ▲ N.L

Tổ chức Diễn đàn Hợp tác Quốc tế Châu Á HORASIS 2018

Nhằm tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động kinh tế đối ngoại, tăng cường triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại và hợp tác đầu tư với nước ngoài phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nỗ lực xây dựng Bình Dương trở thành đô thị thông minh, hiện đại và phát triển bền vững. Tháng 11/2018 tỉnh Bình Dương đã chính thức đăng cai tổ chức Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á Horasis 2018 (gọi tắt là diễn đàn)

Để tổ chức thành công diễn đàn quốc tế này, ngày 01/11/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành kế hoạch số 5199/KH-UBND về việc tổ chức Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á Horasis 2018.

Theo đó, diễn đàn này sẽ quy tụ khoảng 400 khách mời cao cấp đến từ 60

quốc gia trên toàn thế giới và khoảng 350 đại biểu khách mời là lãnh đạo Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, các địa phương của Việt Nam cùng các cấp lãnh đạo tỉnh và lãnh đạo cấp cao các doanh nghiệp trong và ngoài nước tiêu biểu của tỉnh Bình Dương để cùng tham gia thực hiện một chuỗi các sự kiện và những phiên thảo luận chuyên đề về hợp tác kinh tế khu vực và thế giới.

Diễn đàn sẽ diễn ra theo khuôn khổ nội dung của Horasis sẽ được diễn ra theo khuôn khổ nội dung của Horasis sẽ chú trọng thảo luận về Châu Á, những cơ hội, thách thức và tầm nhìn cho các tổ chức trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 và xu thế quy hoạch, xây dựng phát triển thành phố thông minh. ▲

Tấn Sang

Bình Dương....

Dương năm 2017.

Tiếp theo trang 11

Ngoài ra, các nhiệm vụ nghiên cứu KHCN được triển khai cũng đem lại hiệu quả và gắn với tình hình thực tiễn của từng lĩnh vực, từng địa phương. Như việc triển khai ứng dụng thiết bị Laser bán dẫn công suất thấp tại 46 trạm y tế xã, phường, thị trấn của tỉnh đã nâng cao hiệu quả khám chữa bệnh, giảm chi phí cho người điều trị do không cần đi xa (tuyến huyện, tỉnh).

“Thông qua việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật thâm canh tăng hiệu quả sản xuất cây ổi lê Đài Loan, bà con ở xã Trừ Văn Thố đã có nguồn thu nhập ổn định từ việc trồng ổi lê Đài Loan. Năng suất 01ha có lúc đạt gần 40 tấn, thời gian cho thu hoạch nhanh, trung bình 04 tháng và thu hoạch quanh năm”, ông Lê Hoàng Châu, hộ tham gia dự án Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật thâm canh tăng hiệu quả sản xuất cây ổi lê Đài Loan ở huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương chia sẻ. ▲

Hải Sư

Thực trạng nhu cầu và giải pháp thúc đẩy ứng dụng chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp tại Việt Nam

Theo Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017, chuyển giao công nghệ là chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ hoặc chuyển giao quyền sử dụng công nghệ từ bên có quyền chuyển giao công nghệ sang bên nhận công nghệ.

Chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp được thông qua hoạt động khuyến nông. Đối tượng chuyển giao trong nông nghiệp được quy định tại Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông: Tổ chức, cá nhân thuộc hệ thống tổ chức khuyến nông Nhà nước chuyên trách do cấp có thẩm quyền thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật; tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp; tổ chức, cá nhân khác bao gồm: Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội nghề nghiệp và tổ chức, cá nhân khác trong và ngoài nước có tham gia hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam.

Thực trạng về chuyển giao KHCN

Theo báo cáo của Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam tại Diễn đàn ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới trong nông nghiệp thì hệ thống nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật công lập trong sản xuất nông nghiệp đã được sắp xếp lại theo hướng cải tổ và thu gọn đầu mối hơn trước, nâng cao hiệu lực quản lý các hoạt động nghiên cứu và chuyển giao; cơ chế quản lý hoạt động nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật đã được đổi mới theo chiều hướng nâng cao chất lượng sản phẩm nghiên cứu, chuyển giao, tiến tới chịu trách nhiệm cho sản phẩm cuối cùng và hướng tới ứng dụng thành công vào sản xuất; cơ sở vật chất kỹ thuật và kinh phí phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và chuyển giao kết quả nghiên cứu được chú trọng, bước đầu đáp ứng được nhu cầu của hoạt động nghiên cứu và chuyển giao kết quả nghiên cứu.

Đội ngũ cán bộ nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp được tăng cường cả về số lượng và chất lượng đã bước

đầu đảm trách được nhiệm vụ được giao, đóng góp thiết thực tạo nên thành quả của ngành nông nghiệp trong những năm qua; từng bước tạo điều kiện cho hình thành thị trường KHCN nông nghiệp; sự gắn kết giữa nghiên cứu - chuyển giao - ứng dụng chưa theo cơ chế ràng buộc thường xuyên và chặt chẽ do đó các vấn đề nghiên cứu và nội dung khuyến nông còn chưa gắn kết với nhu cầu thực tế; cơ chế quản lý hoạt động nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vẫn còn mang nặng tính xin - cho, cắt khúc trong nghiên cứu, chưa hình thành định hướng chiến lược dài hạn cho hoạt động nghiên cứu chuyển giao.

Tuy nhiên, công tác chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp cũng còn gặp nhiều hạn chế và tồn tại làm ảnh hưởng phần nào đến sản lượng, chất lượng sản phẩm để cạnh tranh trên thị trường. Nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp chứa đựng nhiều yếu tố rủi ro do sản xuất nông nghiệp phân bố trên địa bàn rộng lớn,

chịu ảnh hưởng rất lớn về thiên tai dịch bệnh; hiệu quả ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp rất khác nhau giữa các vùng miền, tập quán, giữa các đối tượng tiếp nhận chuyển giao, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật do sự khác biệt lớn về điều kiện tự nhiên, nguồn lực, về trình độ chuyên môn, về khả năng đầu tư và quy mô sản xuất.

Năng lực đội ngũ cán bộ chuyển giao chưa được đào tạo bài bản nên còn thiếu chuyên nghiệp, còn hạn chế cả chuyên môn và trình độ ngoại ngữ để tiếp cận được với các tiến bộ khoa học kỹ thuật của các nước tiên tiến; hoạt động nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp của Việt Nam cơ bản không vận hành theo cơ chế thị trường mà tồn tại dưới dạng “hàng hóa công” nên hoạt động nghiên cứu và chuyển giao chủ yếu theo “đơn đặt hàng” của Nhà nước và người nhận chuyển giao không phải chi trả hoặc chỉ phải trả rất ít chi phí.

Các tiến bộ kỹ thuật nhiều song vẫn đơn lẻ, thiếu chu trình đồng bộ mang tính chất tiếp cận vùng và toàn bộ hệ thống sản xuất (các mô hình phải làm theo chu kỳ sử dụng đất) và đến sản phẩm cuối cùng; doanh nghiệp chưa thực sự vào cuộc để duy trì sự

sống nhằm phổ biến các tiến bộ kỹ thuật vào trong sản xuất.

Giải pháp thúc đẩy chuyển giao trong sản xuất

Có nhiều giải pháp thúc đẩy chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp, tuy nhiên Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam nhận định: Cần hoàn thiện cơ chế, chính sách gắn kết các hoạt động nghiên cứu với chuyển giao từ đầu vào đến đầu ra của quá trình, gắn nghiên cứu với thực tiễn sản xuất đồng thời trên cơ sở thực tiễn sản xuất cần dự báo để đặt hàng nghiên cứu.

Các chính sách khuyến khích, tạo động lực cho cán bộ nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật; tăng cường chính sách hỗ trợ bên nhận chuyển giao và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp bao gồm các vấn đề về hỗ trợ cho người nhận chuyển giao biến bộ kỹ thuật đặc biệt chú ý đến khối người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số.

Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chuyên nghiệp, chất lượng cao, có đủ kỹ năng khâu nối giữa nghiên cứu và sản xuất; tăng cường sức mạnh và hiệu quả hoạt động của hệ thống các tổ chức nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp theo hướng liên

thông, hợp lý, hiệu quả cần tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức hoạt động nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp.

Tăng cường năng lực về cơ sở vật chất hạ tầng và kinh phí hoạt động, đảm bảo sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hạ tầng và kinh phí trong các tổ chức nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp; hoạt động chuyển giao các sản phẩm KHCN phải được thực hiện đồng bộ, trọn gói, theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm (tập trung vào các mô hình lớn, đổi mới công nghệ, tiếp cận thị trường sản xuất...).

Hoạt động chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cần gắn kết với các Chương trình, nhiệm vụ KHCN của Nhà nước như: Đào tạo nghề cho nông dân nông thôn, chương trình khuyến nông, nông thôn mới...; cần có sự vào cuộc mạnh mẽ hơn nữa của cơ quan quản lý địa phương, các cơ quan khoa học, tạo sự thống nhất liên ngành để tập trung đưa tiến bộ kỹ thuật mới đã được xác định; xây dựng hoạt động nghiên cứu chuyển giao tiến bộ kỹ thuật chuyên nghiệp trong các cơ quan nghiên cứu và các mạng lưới ở địa phương để phục vụ sản xuất kịp thời. ▲

Hoàng Trang

BÌNH DƯƠNG:

Đề ra nhiều giải pháp để phát triển thị trường khoa học và công nghệ

Là một trong những tỉnh thành phát triển năng động, tại Bình Dương thị trường khoa học và công nghệ (KHCN) đã được hình thành và từng bước phát triển. Nhằm giải quyết “lấn quẩn” giữa người bán sản phẩm (cá nhân, tổ chức nghiên cứu) và người mua (doanh nghiệp), Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với các ngành đề ra nhiều giải pháp từ xúc tiến, hỗ trợ chính sách, ươm tạo công nghệ... để đẩy mạnh phát triển thị trường KHCN.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bình Dương có 34.779 doanh nghiệp trong nước và hơn 3.434

doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Đây được coi là một “thị trường” màu mỡ cho việc trao đổi, mua bán, chuyển giao KHCN giữa các doanh nghiệp.

Theo Sở Khoa học và Công nghệ, việc phát triển thị trường KHCN trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua có sự chuyển biến tích cực, một số đơn vị, doanh nghiệp đã chủ động việc tham gia việc tạo lập thị trường KHCN thông qua việc giới thiệu, chào bán các thiết bị công nghệ như: Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ (thuộc Sở Khoa học và Công nghệ); công ty TNHH Kỹ nghệ Nhiệt

và Môi trường CAXE... Bên cạnh đó, Sở Khoa học và Công nghệ cũng là đầu mối xác nhận hợp đồng chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất trên địa bàn tỉnh.

Để đẩy mạnh phát triển thị trường KHCN, ngoài việc hỗ trợ cung cấp thông tin về Chợ công nghệ và thiết bị (Techmart), trình diễn kết nối cung cầu công nghệ (Techdemo), tổ chức ngày hội đầu tư thương mại hóa công nghệ... Thì Sở Khoa học và Công nghệ cũng hoàn thiện và đưa vào vận hành, hoạt động Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị theo mô hình sàn giao dịch công nghệ ảo nhằm giới thiệu và quảng bá các sản phẩm KHCN, thiết bị công nghệ do các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nghiên cứu, sản xuất.





Ông Nguyễn Quốc Cường - Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ cho biết, Sở cũng đẩy mạnh hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ trên địa bàn tỉnh với các đối tác trong và ngoài nước; triển khai hỗ trợ kết nối giữa các trường đại học, cao đẳng với các tổ chức KHCN, các doanh nghiệp nhằm đưa ra các sản phẩm, các công nghệ phù hợp với thực tiễn.

Nhằm phát triển thị trường KHCN phù hợp với tiềm năng và lợi thế của tỉnh, ngoài việc tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức KHCN, doanh nghiệp KHCN phát triển thì tỉnh cũng tăng

cường hỗ trợ chính sách ưu đãi để tăng tiềm lực KHCN trong doanh nghiệp. Hỗ trợ triển khai thực hiện các dự án nghiên cứu hoàn thiện công nghệ trên cơ sở các sáng chế hữu ích, giải pháp kỹ thuật hiện đại; khuyến khích, hỗ trợ các vườn ươm công nghệ, vườn ươm doanh nghiệp tại các trường đại học, cao đẳng, trung tâm nghiên cứu trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, xác định doanh nghiệp KHCN đóng vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ cũng đưa ra nhiều chính sách hỗ

trợ, ưu đãi cho các doanh nghiệp KHCN đang hoạt động và việc hình thành các doanh nghiệp KHCN. Quan tâm, chú trọng hướng dẫn các doanh nghiệp KHCN và các doanh nghiệp có triển vọng, có điều kiện trở thành doanh nghiệp KHCN tiếp cận, tham gia thực hiện các dự án độc lập thuộc Chương trình KHCN Quốc gia, Chương trình KHCN của tỉnh.

Ông Lê Tấn Cường - Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ cho biết, Sở cũng hỗ trợ và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, tổ chức KHCN, tổ chức trung gian của thị trường KHCN đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân tham gia thị trường KHCN. Về kinh phí cho hoạt động KHCN, doanh nghiệp có thể dùng Quỹ phát triển KHCN tại doanh nghiệp hay vay vốn từ Quỹ KHCN của tỉnh. ▲

Thiên Bình

Bình Dương: Hiệu quả từ việc xây dựng và triển khai các chính sách khoa học và công nghệ

Với tinh thần đổi mới cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ (KHCN) trong tình hình mới, tỉnh Bình Dương đã ban hành nhiều văn bản nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách, pháp luật về KHCN của Đảng và Nhà nước sát với tình hình thực tiễn và đã đạt được kết quả khả quan.

Gắn với thực tiễn

Theo báo cáo, trong thời gian từ 2015 - 2017, để tổ chức triển khai thực hiện đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển KHCN, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành 24 văn bản chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện. Trong các văn bản đã ban hành có nhiều văn bản có tầm quan trọng, gắn phát triển KHCN với phát triển kinh tế - xã hội và tình hình thực tiễn của địa phương như: Chương trình hành động số 63 của Tỉnh ủy về phát triển KHCN phục vụ sự nghiệp

công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Quyết định số 15 về quy định quản lý nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh; Quyết định số 2177 về quy định định mức xây dựng, phân bổ kinh phí đối với nhiệm vụ KHCN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 2465 về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2017 - 2020; Quyết định số 2943 phê duyệt Dự án Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh giai đoạn 2017 - 2020...

Ông Đặng Minh Hưng - Phó Chủ tịch UBND tỉnh cho biết, tỉnh đã quan tâm, chỉ đạo triển khai, cụ thể hóa chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển KHCN phù hợp với thực tiễn hoạt động KHCN ở địa phương, từ

đó hoạt động KHCN đã có nhiều chuyển biến tích cực, có những đóng góp thiết thực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa - hiện đại hóa tỉnh nhà. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao KHCN góp phần vào nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong một số lĩnh vực. Các nhiệm vụ KHCN hầu hết đều gắn với ứng dụng để giải quyết các vấn đề đặt ra từ thực tiễn sản xuất và đời sống.

Ông Nguyễn Quốc Cường - Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ cũng cho biết, thông qua việc ban hành các văn bản đã thể hiện tính chủ động, kịp thời trong công tác quản lý KHCN được giao. Qua đó từng bước tạo hành lang pháp lý cho việc đổi mới và góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động KHCN, tăng năng lực cạnh tranh, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh

ngành trên địa bàn tỉnh. Hoạt động quản lý Nhà nước trong các lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng KHCN, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; sở hữu công nghiệp, quản lý các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động KHCN... ngày càng hiệu quả, cơ bản đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Bên cạnh đó, thực hiện Đề án xây dựng thành phố Thông minh Bình Dương và chương trình khởi nghiệp do Chính phủ khởi xướng, tỉnh cũng ban hành chính sách về hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia đến 2025 trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2020; đề án thành lập Trung tâm sáng kiến cộng đồng và hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Bình Dương...

Hiệu quả cao

Thông qua các chính sách từ các chương trình, dự án KHCN đã giúp cho các doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng hàng hóa, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh cũng như khẳng định tên tuổi trên thị trường. Tiêu biểu như: Dự án “Nâng cao



năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Bình Dương”; Chương trình cải tiến năng suất chất lượng...

Ông Trần Chánh Tín, Trưởng phòng Quản lý chất lượng Công ty TNHH Cường Phát (TX. Thuận An) cho biết, với Chương trình cải tiến năng suất chất lượng do Sở Khoa học và Công nghệ và Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh triển khai, công ty đã có sự lựa chọn giải pháp tốt nhất để nâng cao hiệu quả sản xuất, có thể thực hiện trong điều kiện thực tế của công ty mà không phải tốn nhiều chi phí đầu tư. “Qua việc áp dụng Kaizen (công cụ năng suất chất lượng), công ty đã cải tiến lò nung, triển khai thu hồi đất từ bùn thải, hàng năm tiết kiệm được hơn 600

triệu đồng chi phí nguyên liệu nung, tiết kiệm trung bình gần 26 triệu đồng/tháng cho chi phí nguyên liệu sản xuất”, ông Tín nói.

Theo đánh giá của Sở Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp tham gia các Dự án, Chương trình đều có những thành công và tên tuổi trên thị trường ngày càng phát triển. Nhiều doanh nghiệp của tỉnh tham gia Dự án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Bình Dương” được trao tặng giải thưởng chất lượng Quốc gia và Châu Á Thái Bình Dương, trong đó Công ty Cổ phần Tôn Đông Á (thị xã Dĩ An) đạt giải Vàng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia năm 2015 và Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á - Thái Bình

Hiệu quả bước đầu sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao tại huyện Bàu Bàng

Thực hiện Chương trình chuyển dịch cơ cấu, sản xuất nông nghiệp theo hướng kỹ thuật công nghệ cao giai đoạn 2016 - 2020 theo Nghị quyết Đại biểu Đảng bộ huyện Bàu Bàng lần thứ XI, huyện Bàu Bàng đang đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu và khuyến khích sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao. Qua gần 3 năm triển khai đã đạt được những kết quả khả quan.

“Xây dựng” vùng sản xuất

Để đạt được mục tiêu phấn đấu tăng trưởng giá trị sản xuất

nông nghiệp đạt bình quân giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 5 - 6%/năm, giá trị sản xuất bình quân trên 01 ha đất sản xuất đạt 90 - 110 triệu đồng/năm. Huyện đã từng bước phân vùng sản xuất nông nghiệp theo thế mạnh và thổ nhưỡng, trong đó vùng rau an toàn tập trung ở Long Nguyên, Lai Uyên, Hưng Hòa..., vùng cây ăn quả đặc sản (cây có múi, măng cụt) ở Long Nguyên, Trừ Văn Thố, Cây Trường II... và vùng chăn nuôi tập trung ở Lai Hưng, Trừ Văn Thố...

Tính đến nay, tỷ lệ 100% diện tích đất

canh tác cây lâu năm được cơ giới hóa trong khâu làm đất, chăm sóc, 80% trang trại chăn nuôi đã đầu tư hệ thống máng ăn, máng uống tự động, 34% đàn gia cầm và 29% đàn gia súc được nuôi theo quy trình ứng dụng công nghệ cao. Tổng diện tích ứng dụng kỹ thuật cao trong sản xuất trồng trọt của huyện đạt 192,7ha, trong đó 2,4ha rau trong nhà kính, ứng dụng hệ thống tưới nước tự động; 71,6ha quýt đường, 31,5ha bưởi da xanh và 87,2ha cây ăn trái ứng dụng kỹ thuật tưới phun tự động... Về chăn nuôi, có 111 cơ sở chăn nuôi heo, gà theo hình thức trang trại kín, trại lạnh.

Ông Nguyễn Hữu Chí, Bí thư Huyện ủy Bàu Bàng cho biết, với các chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh là điều kiện thuận lợi để huyện Bàu Bàng huy động tốt các nguồn lực để tăng đầu tư cho phát triển sản





xuất nông nghiệp. Hiện tại, huyện tiếp tục khuyến khích các cơ sở, các trang trại có điều kiện để triển khai các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, từ đó nhân rộng các mô hình có hiệu quả cho các hộ nông dân khác triển khai. Với việc 12 trang trại được công nhận VietGAP là cơ sở để huyện phấn đấu đến 2020 phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao theo đúng Nghị quyết đã đề ra.

Đồng thời để tạo điều kiện cho các trang trại, hộ nông dân đầu tư sản xuất, huyện Bàu Bàng đã triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương về tín dụng ngân hàng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; các chính sách của tỉnh Bình Dương về các chính sách, khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh

tế nông nghiệp....

Đem lại nguồn thu cao

Hưởng ứng chủ trương của huyện Bàu Bàng về phát triển kinh tế trang trại theo hướng tập trung với phương thức công nghiệp và bán công nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Nhiều chủ trang trại và hộ dân trên địa bàn huyện đã mạnh dạn đầu tư chuồng trại với thiết bị hiện đại như máng ăn, máng uống tự động, đầu tư công nghệ sau thu hoạch, hệ thống nhà lưới thủy canh, hệ thống tưới phun sương tự động.... để sản xuất chăn nuôi, trồng trọt theo hướng ứng dụng công nghệ cao.

Ông Lê Thanh Tâm, Phó Chủ tịch UBND huyện Bàu Bàng cũng cho biết, qua việc tăng cường thực hiện liên kết "4 nhà" (nhà nước - nhà khoa học - nhà doanh nghiệp - nhà nông) đã góp phần đẩy mạnh chuyển giao khoa học công nghệ mới trong sản xuất, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và giúp cho nông dân được tiếp cận

với các mô hình mới trong sản xuất, giống mới, kỹ thuật canh tác... Từ đó đã nâng cao năng suất, chất lượng nông sản và đem lại nguồn thu nhập cao hơn so với sản xuất nông nghiệp truyền thống.

Ngoài trang trại bưởi Thanh Thủy thu lãi trung bình 8 tỷ đồng/năm thì huyện Bàu Bàng còn nhiều hộ nông dân có thu nhập trung bình từ 1,2 - 6 tỷ đồng mỗi năm. Như trang trại trồng quýt đường của ông Lê Văn Phấn (xã Trừ Văn Thố), sau khi trừ chi phí cho thu lãi trung bình từ 4 - 6 tỷ đồng/năm; trang trại chăn nuôi heo trại lạnh của ông Phạm Văn Tạo (xã Lai Uyên) thu lại hơn 1,3 tỷ đồng/năm; mô hình trồng cây ăn trái và măng điên trúc của ông Nhị Văn Xum (xã Trừ Văn Thố) cho thu nhập hơn 1,2 tỷ đồng mỗi năm...

Bên cạnh đó còn hơn 900 hộ nông dân với các mô hình như trồng nấm, trồng hoa lan, rau... theo hướng công nghệ cao, nông nghiệp đô thị với thu nhập trung bình từ 100 - 650 triệu đồng/năm. ▲

Hải Sư

Bảo tồn và phát huy bền vững nghệ thuật đờn ca tài tử ở Bình Dương

Bình Dương là một trong những tỉnh được đánh giá là có nhiều thành tựu trong hoạt động đờn ca tài tử (ĐCTT) ở Nam bộ. Nơi đây được xem như vùng “đất lành chim đậu”, nguồn nhân lực khắp nơi (trong và ngoài nước) đã hội tụ về. Hiện nay, đời sống văn hóa - xã hội của Bình Dương đạt những thành tựu đáng kể, cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, bộ mặt đô thị hóa đã được hình thành rõ nét.

Năm 2014, nhằm bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể Nghệ thuật ĐCTT Nam Bộ, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch đã có công văn số 1089/BVHTTDL gửi tới UBND 21 tỉnh/thành phố có di sản đề nghị xây dựng Đề án bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam bộ, thực hiện Chương trình hành động quốc gia bảo vệ di sản này giai đoạn 2014 - 2020, trong đó có tỉnh Bình Dương.

Như vậy, làm thế nào để hoạt động ĐCTT ở Bình Dương bảo tồn và phát huy

được những thành quả sáng tạo của các bậc tiền bối trong đời sống xã hội hiện đại? Làm thế nào để loại hình nghệ thuật này thấm thấu vào tâm hồn của lớp người trẻ tuổi, khơi dậy trong họ niềm tự hào và tinh thần dân tộc để một di sản văn hóa quý báu, một truyền thống sinh hoạt văn hóa cộng đồng không bị mai một, đứt đoạn? Làm thế nào để một loại hình âm nhạc ra đời trên nền tảng nông nghiệp cổ truyền vẫn không lạc hậu với quá trình hình thành công nghiệp hóa - hiện đại hóa đang diễn ra rất mạnh mẽ ở Bình Dương? Bằng những nỗ lực hết sức có thể, tác giả - Mai Mỹ Duyên và nhóm nghiên cứu đã đề xuất thực hiện đề tài “Bảo tồn và phát huy bền vững nghệ thuật đờn ca tài tử ở Bình Dương”.

Mục tiêu của đề tài là nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển, đặc trưng của nghệ thuật ĐCTT Nam bộ, của nghệ thuật ĐCTT ở Bình Dương gắn với điều kiện tự nhiên, đặc điểm kinh tế, văn hóa xã hội của một vùng đất. Nghiên cứu

những hoạt động sáng tạo, cải tiến của những nghệ nhân tiên phong và thế hệ tiếp nối đã đóng góp vào thành tựu của ĐCTT Bình Dương. Nghiên cứu thực trạng hoạt động ĐCTT ở Bình Dương trên ba phương diện: Truyền dạy, sáng tạo và trình diễn. Nghiên cứu cách thức tổ chức và quản lý hoạt động ĐCTT ở Bình Dương. Đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát huy bền vững nghệ thuật ĐCTT ở Bình Dương.

Nội dung đề tài được chia thành 4 phần chính. Phần cơ sở lý luận và thực tiễn, tác giả đã đúc rút ra được nghệ thuật ĐCTT thuộc dòng âm nhạc thính phòng, kết hợp 2 yếu tố bác học (từ nhã nhạc và Đàn ca Huế) và dân gian (từ Nhạc lễ Nam bộ), nảy sinh vào giữa thế kỷ XIX và sau đó lan truyền khắp các tỉnh thành ở Nam bộ. Trên hành trình phát triển của ĐCTT, những cuộc trình diễn xuyên quốc gia đã giúp các nghệ nhân tiên phong được tiếp xúc với nghệ thuật phương Tây và trên nền tảng của sân khấu hát bộ, lối

cá ra bộ được hình thành, phát triển, là tiền đề hình thành sân khấu cải lương.

Trong phần nghệ thuật ĐCTT ở Bình Dương - nguồn gốc, diễn trình và những đóng góp cho thấy, nghệ thuật âm nhạc dân tộc như một dòng sông chảy từ Bắc đến Nam, trên mỗi điểm dừng đều có những dạng vẻ riêng, được tạo nên do sự tác động bởi những yếu tố tự nhiên và xã hội. Bình Dương là một tỉnh thuộc miền Đông Nam bộ, những điều kiện lịch sử, tự nhiên và xã hội đã tạo cho ĐCTT ở mảnh đất này vừa mang đặc trưng của vùng Nam bộ lại vừa có những nét riêng độc đáo, đặc biệt trong lịch sử văn hóa - nghệ thuật dân tộc.

Trong phần khảo sát và đánh giá thực trạng nghệ thuật ĐCTT ở Bình Dương, tuy chỉ khảo sát trên 1/2 số lượng nghệ nhân tài tử và câu lạc bộ ĐCTT ở Bình Dương nhưng là những cứ liệu khoa học có độ tin cậy, làm cơ sở đề xuất các giải pháp nhằm củng cố và phát triển tổ chức câu lạc bộ; nâng cao chất lượng phong trào; nâng cao ý thức, tình cảm và trình độ chuyên môn của nghệ nhân tài tử, tạo điều kiện cho họ tiếp tục cống hiến cho nghệ thuật, góp

phần cùng chính quyền địa phương, cơ quan quản lý chuyên ngành thực hiện được cam kết với Chính phủ và UNESCO về bảo tồn và phát huy nghệ thuật ĐCTT ở Bình Dương.

Phần thứ tư, tác giả đã đưa ra các giải pháp bảo tồn và phát huy bền vững nghệ thuật ĐCTT ở Bình Dương, trong bối cảnh hiện nay không thể tính đến những quan điểm, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước được thể hiện vừa khái quát, vừa cụ thể trong chính sách về phát triển văn hóa vùng - miền và trong các văn bản chỉ đạo ở địa phương. Đây còn là cơ sở nhận thức để hình thành các giải pháp phù hợp với xu thế phát triển chung của đất nước, thực hiện có hiệu quả đề án Bảo tồn và Phát huy giá trị nghệ thuật ĐCTT Nam bộ đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Sau khi triển khai thực hiện, đề tài đã hệ thống được một phần lý luận trong nghiên cứu âm nhạc dân tộc nói chung và ĐCTT nói riêng; nhận diện được chức năng, đặc trưng và giá trị của nghệ thuật ĐCTT trong đời sống văn hóa tinh thần cộng đồng dân cư Bình Dương và Nam bộ; đánh giá được thực

trạng sáng tạo, truyền dạy và trình diễn nghệ thuật ĐCTT ở Bình Dương; đề xuất những giải pháp bảo tồn và phát huy nghệ thuật ĐCTT theo hướng bền vững có tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế ở Bình Dương và xu thế phát triển của cả nước.

Ngoài ra, kết quả của đề tài đã tác động đến nhận thức và trách nhiệm của nghệ nhân tài tử, của chính quyền địa phương và cộng đồng cư dân về bảo vệ di sản văn hóa dân tộc trong bối cảnh xã hội hiện nay; thực hiện đúng cam kết với UNESCO và chính phủ về việc bảo tồn, phát huy và phát triển ĐCTT sau khi được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại; cung cấp kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn trong quản lý và tổ chức hoạt động ĐCTT ở tỉnh Bình Dương; nâng cao năng lực nghiên cứu của nhóm, cách thức quản lý của các đơn vị, cá nhân liên quan đến nghệ thuật ĐCTT ở Bình Dương.



Tuấn Duy

(Đọc toàn văn báo cáo “Bảo tồn và phát huy bền vững nghệ thuật đơn ca tài tử ở Bình Dương” tại Trung tâm Thông tin và Thống kê KHCN)

THÙNG RÁC THÔNG MINH

Thùng chứa rác thải sinh hoạt chúng ta có thể bắt gặp ở rất nhiều đô thị. Nhưng thực tế chúng vẫn còn nhiều khuyết điểm. Một số khu vực thùng rác đầy rất nhanh trước chu kỳ thu gom, trong khi một số khu vực còn lại thùng rác vẫn chưa đầy nhưng vẫn thu gom làm lãng phí nhân công. Một nhóm sinh viên của Trường đại học Quốc tế Miền đông đã nghiên cứu và chế tạo ra một loại thùng rác thông minh - sản phẩm đã đoạt giải cao trong Cuộc thi sáng kiến xây dựng Thành phố Thông minh Bình Dương 2018 vừa qua.

Hiện nay thực trạng thu gom rác thải trong sinh hoạt không chỉ ở Bình Dương nói riêng mà toàn cả nước nói chung còn gặp rất nhiều khó khăn và nhiều vấn đề bất cập chưa thể giải quyết tốt. Các thùng rác được sử dụng thô sơ và đơn giản, công nhân thu gom rác theo định kỳ, thời gian nhất định cho từng khu vực. Vì vậy, một số khu vực thùng rác đầy rất nhanh trước chu kỳ thu gom rác dẫn đến mùi hôi khó chịu bốc lên từ thùng rác làm ảnh hưởng tới môi trường xung quanh. Trong khi một số khu vực còn lại thùng rác vẫn chưa đầy nhưng vẫn thu gom làm lãng phí nhân công và chi phí thu gom. Mặc khác, trong các dịp lễ, Tết, và các sự kiện đặc biệt,

thùng rác sẽ đầy rất nhanh do đó cần phải tăng số xe và nhân công thu gom rác. Thùng rác truyền thống cũng không giúp cải thiện ý thức tự phân loại rác tại nguồn. Bên cạnh đó, hệ thống quản lý và điều hành nhân công và xe vận chuyển rác, bảo dưỡng thùng rác thực hiện theo quy củ thiếu hiệu quả. Từ đó không thể đưa ra những dự báo về tình hình rác thải trong tương lai do thiếu thông tin về rác thải

Xuất phát từ những hạn chế của hệ thống quản lý rác hiện hữu tại Bình Dương nói riêng và các thành phố Việt Nam nói chung. Nhóm sinh viên trường Đại học Quốc tế Miền đông đã lên một ý tưởng đề xuất thiết kế và phát triển

thùng rác thông minh (Smartbin) và hệ thống quản lý thu gom rác cho thành phố mới Bình Dương, cũng như giảm chi phí quản lý và thu gom rác. Sản phẩm này sẽ giúp nâng cao chất lượng sống cho của công dân thành phố, góp phần giúp thành phố mới Bình Dương cũng như tỉnh Bình Dương trở thành một Thành phố thông minh và hiện đại trong thời gian tới (Đây cũng là mục tiêu số một của tỉnh Bình Dương ở thời điểm hiện tại và cả trong thời gian sắp tới).

Một hệ thống thùng rác thông minh của nhóm sinh viên trường Đại học Miền Đông có vỏ bên ngoài là một thùng cơ khí được cố định tại những địa điểm được định sẵn để tránh việc mất cắp

hoặc bị xô dịch đi nơi khác. Thùng cơ khí này chứa hai thùng rác vô cơ và hữu cơ cùng với đó là hệ thống cảm biến điện tử. Bên trên thùng là nơi đặt tấm pin năng lượng mặt trời để cung cấp nguồn cho toàn hệ thống và tích hợp cả trạm thu phát wifi trên mỗi thùng. Xung quanh thùng thì có thể truyền những thông điệp của thành phố hay các tổ chức cá nhân muốn quảng cáo những sản phẩm,... của mình.

Hệ thống cảm biến bên trong sẽ nhận biết được lượng rác trong thùng, mùi xung quanh thùng rác, nhiệt độ và độ ẩm hiện tại cũng như khối lượng thùng rác hiện tại. Tất cả những dữ liệu này được thu thập và đưa lên ứng dụng đám mây để lưu trữ. Từ đây những dữ liệu này có thể gửi đến website, ứng dụng điện thoại hoặc trung tâm quản lý theo dõi, theo thời gian các dữ liệu sẽ được hệ thống tự động thống kê lại lượng rác qua hằng tháng, hằng năm để đưa ra dự báo cho trung tâm quản lý có thể nắm bắt được tình hình rác thải trong tương lai để có thể thu xếp nhân



công và chuẩn bị xe rác thu gom hợp lý.

Ngoài ra mỗi trạm SmartBin đều có hệ thống định vị để giúp cho nhân viên thu gom rác xác định được vị trí của thùng rác đang cần thu gom một cách nhanh và chính xác nhất.

Sản phẩm thùng rác thông minh - Smartbin của nhóm sinh viên Hoàng Đức Giang, Trần Duy Nhất, Lê Bình Khánh Thiên đã đạt giải Ấn tượng và là một trong 14 đội xuất sắc đến từ nhiều trường đại học của Việt Nam và Hàn Quốc lọt vào vòng chung kết của Cuộc thi Sáng kiến xây dựng Thành phố thông minh năm 2018. Cuộc thi nằm trong chuỗi các sự kiện quan trọng nhân Kỷ niệm 20 năm thành lập Hiệp hội Đô thị khoa học thế giới WTA

được tổ chức tại Bình Dương từ ngày 10/10 đến 12/10/2018. Sở dĩ sản phẩm này được giải cao chính là tính khả thi của nó. Bước đầu trong quá trình hoàn thiện, thùng rác đang được trang bị tại khu vực phòng thí nghiệm điện tử công suất và năng lượng mới trường Đại học Quốc tế Miền đông mang lại nhiều khả quan. Nếu khắc phục những nhược điểm của sản phẩm thì Smartbin sẽ đóng góp một phần quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển thành phố thông minh của tỉnh Bình Dương trong thời gian tới.

Mong rằng sản phẩm này sẽ được sự tiếp sức của các tổ chức, cá nhân để có thể triển khai rộng rãi hơn. ▲

Huỳnh Thanh

Giữ gìn, giáo dục lòng yêu nước, truyền thống tốt đẹp của phụ nữ miền Nam thời kỳ hội nhập từ thực tiễn hoạt động của Bảo tàng Phụ nữ Nam bộ

*TS Nguyễn Hoàng Huế
Giảng viên trường Đại học Thủ Dầu Một*

Tóm tắt:

Hơn ba mươi năm hình thành và phát triển, Bảo tàng Phụ nữ Nam bộ đã trở thành điểm đến - nơi họp mặt truyền thống, giao lưu, sinh hoạt văn hóa, ... của các thế hệ phụ nữ Việt Nam, góp phần giữ gìn, giáo dục lòng yêu nước, truyền thống tốt đẹp của phụ nữ miền Nam. Bài viết của chúng tôi sẽ tập trung vào quá trình hình thành và phát triển, các hoạt động chính và vai trò giáo dục của Bảo tàng Phụ nữ Nam bộ.

1. Quá trình hình thành và phát triển

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công và tiếp sau đó là thắng lợi vĩ đại của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ là thiên anh hùng ca bất hủ trong lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Thắng lợi này là minh chứng hùng hồn truyền thống yêu nước quật cường, trí thông minh, sáng tạo và tài thao lược của dân tộc Việt Nam,

trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập tự do, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Những chiến công vang dội trong cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ, toàn dân, toàn diện của cả dân tộc có sự đóng góp to lớn của những người phụ nữ Việt Nam anh hùng.

Kế thừa những truyền

thống yêu nước quý báu của dân tộc, phụ nữ Việt Nam và phụ nữ Nam bộ nói riêng rất thủy chung, gan dạ, anh dũng trong chiến đấu. Có biết bao những tấm gương tiêu biểu của phụ nữ Nam bộ trong đấu tranh, mặc dù bị địch bắt bớ, tù đầy, tra tấn dã man nhưng các mẹ, các chị vẫn giữ trọn khí tiết của người cán bộ cách mạng.

Ý tưởng thành lập bảo tàng dành riêng cho giới nữ được khơi gợi vào ngày 20/12/1982, hơn 200

cán bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh gồm nhiều thế hệ đồng loạt ủng hộ và biểu thị sự nhất trí là cần phải tổng kết Lịch sử phong trào Phụ nữ Nam bộ, đánh giá những cống hiến của phụ nữ qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, hình thành nên những bài học lịch sử, góp phần giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ sau ⁽¹⁾.

Tiền thân của Bảo tàng Phụ nữ Nam bộ là Nhà truyền thống phụ nữ Nam bộ được xây dựng theo tâm nguyện và ý chí của các thế hệ phụ nữ đi trước nhằm giữ gìn, giáo dục lòng yêu nước, truyền thống tốt đẹp của Phụ nữ Việt Nam cho các thế hệ mai sau.

Được sự chấp thuận của Bộ Chính trị và Ban Bí thư Trung ương Đảng, tháng 01 năm 1983, Tổ nghiên cứu lịch sử phụ nữ Nam bộ (gọi tắt là Tổ Sử Phụ nữ Nam bộ) được thành lập. Tổ Sử Phụ nữ Nam bộ gồm 13 nữ cán bộ lão thành, đa số đã nghỉ

hưu, tự nguyện tham gia công tác tổng kết lịch sử phong trào phụ nữ Nam bộ, do bà Nguyễn Thị Thập - nguyên Ủy viên Trung ương Đảng khóa 2,3,4, nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội, nguyên Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (từ năm 1956 đến năm 1974) phụ trách. Với tinh thần làm việc khẩn trương của Tổ Sử Phụ nữ Nam bộ, ngày 29/4/1985, nhân kỷ niệm 10 năm ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Nhà truyền thống Phụ nữ Nam bộ được khánh thành với diện tích 200m² gồm 06 phòng trưng bày chuyên đề. Hoạt động chưa đầy 01 năm, Nhà truyền thống Phụ nữ Nam bộ đã đón cả 100.000 lượt khách tham quan trong và ngoài nước, đặc biệt là ở các tỉnh thành phía Nam ⁽²⁾.

Ngày 8/3/1986, được Trung Ương Đảng và Nhà nước cho phép, Tổ sử Phụ nữ Nam bộ khởi công xây dựng bảo tàng mới có diện tích 3.000m² với sự ủng hộ tích cực về tiền bạc, vật tư của các cơ quan, ban, ngành, đoàn

thể, các cá nhân, kiều bào, ...

Theo thời gian, hiện vật cùng tư liệu hình ảnh ngày càng nhiều, nhu cầu cần phải phát triển nhà truyền thống lớn mạnh thành bảo tàng được đặt ra. 05 năm chuẩn bị nội dung và tiến hành cuộc vận động quy mô kêu gọi quyên góp từ tư liệu, hình ảnh, hiện vật quý đến vật chất của hàng triệu phụ nữ và các cơ quan đoàn thể khắp các tỉnh thành Nam bộ tự nguyện hiến tặng với mong muốn nâng cấp Nhà truyền thống thành Bảo tàng. Bảo tàng Phụ nữ Nam bộ chính thức cất bằng khánh thành vào ngày 30/4/1990 trực thuộc Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 431/QĐ-UBND, ngày 28/2/1990.

Ngày 18/05/1990, lễ khánh thành Bảo tàng Phụ nữ Nam bộ được tổ chức trọng thể trong không khí tung bừng cả nước kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Bác Hồ. Bảo tàng có diện tích sử dụng 5.410,5m², một hội

⁽¹⁾Phạm Thị Diệu, *Kỷ niệm thành lập Bảo tàng Phụ nữ Nam bộ*. http://www.baotang-phunu.com/index.php?option=com_content&view=article&id=259:2015-09-01-06-54-29&catid=47:nhan-vt-s-kin&Itemid=70, ngày truy cập 25/8.2015.

⁽²⁾ http://www.baotangphunu.com/index.php?option=com_content&view=category&layout=blog&id=51&Itemid=27, ngày truy cập 25/8.2015.

trường có sức chứa gần 1.000 người, hệ thống kho bảo quản trên 700m². Từ đó đến nay, dưới sự lãnh đạo của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Sở Văn hóa Thông tin (nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) và sự hỗ trợ của Cục Di sản Văn hóa, tổ chức Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp, đồng bào ở các địa phương, Bảo tàng Phụ nữ Nam bộ đã từng bước trưởng thành và khẳng định được vị trí trong hệ thống bảo tàng cả nước.

Hiện nay, Bảo tàng Phụ nữ Nam bộ có địa chỉ tại số 202 Võ Thị Sáu, phường 7, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, đã trở thành một địa chỉ quen thuộc với khách tham quan trong nước, nhất là các tầng lớp phụ nữ và khách nước ngoài đến tham quan.

Ba mươi năm hoạt động, Bảo tàng Phụ nữ Nam bộ có nhiều nỗ lực chủ động sáng tạo trong các mặt công tác chuyên môn nhằm giáo dục truyền thống của Phụ nữ Việt Nam cho công chúng và trở thành điểm đến - nơi họp mặt truyền thống, giao lưu, sinh hoạt văn hóa,... của các thế hệ phụ nữ Việt Nam.

2. Những hoạt động chủ yếu của bảo tàng

2.1. Giáo dục công chúng

Bảo tàng Phụ nữ Nam bộ thực hiện công tác giáo dục và phổ biến tri thức khoa học bằng nhiều hình thức khác nhau: hướng dẫn tham quan tại Bảo tàng, tổ chức trưng bày chuyên đề, tổ chức những cuộc tọa đàm, hội thảo khoa học, giao lưu, họp mặt; xây dựng các chương trình sân khấu hóa, trình diễn trang phục phụ nữ qua các thời kỳ, giới thiệu hoạt động Bảo tàng qua các phương tiện thông tin khác nhau: Ssách báo, truyền hình, truyền thanh, trực tiếp vận động khách tham quan đến với Bảo tàng .

2.2. Công tác nghiên cứu khoa học

Đối tượng nghiên cứu của Bảo tàng: Người phụ nữ Việt Nam trong lịch sử dựng nước và giữ nước trên các lĩnh vực kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội - quân sự v.v.... trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ cũng như trong thời kỳ đổi mới, xây dựng đất nước, vai trò của họ trong gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Từ năm 1986 đến nay, Bảo tàng phụ nữ Nam bộ đã xuất bản, chủ biên và là tác giả của hàng chục đầu sách các loại về truyền thống phụ nữ, về những người phụ nữ nổi danh trong lịch sử, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, những phụ nữ thành đạt góp phần trong công cuộc đổi mới đất nước, những truyện tích huyền thoại của phụ nữ có liên quan đến di tích, danh lam thắng cảnh của đất nước.

Bảo tàng phụ nữ Nam bộ đã phối hợp với đài truyền hình, các hãng phim và các cơ quan hữu quan xây dựng được nhiều bộ phim tài liệu về truyền thống phụ nữ, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, nữ tù chính trị, nữ tù binh, nữ thanh niên xung phong v.v... qua đó góp phần tác động tích cực đến việc giải quyết chính sách cho những đối tượng trên. Nhiều phim đạt giải cao trong các kỳ liên hoan.

Hiện nay, thư viện Bảo tàng phụ nữ Nam bộ có trên 10.000 đầu sách. Sách được phân loại theo chủ đề để thuận lợi cho công tác nghiên cứu. Không chỉ phục vụ cho nội bộ cơ quan, thư viện Bảo tàng phụ nữ Nam bộ còn phục vụ cho đông đảo

công chúng đến nghiên cứu. Từ năm 1997 đến nay, Bảo tàng phụ nữ Nam bộ đã phục vụ trên 1.000 đầu sách cho đọc giả ngoài bảo tàng .

2.3. Công tác trưng bày

Tư tưởng chủ đạo trong trưng bày cố định tại Bảo tàng Phụ nữ Nam bộ là thể hiện truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước của phụ nữ Việt Nam trong đó có vai trò phụ nữ miền Nam góp phần gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa của dân tộc. Về cấu tạo nội dung trưng bày trong hệ thống trưng bày cố định của bảo tàng có 11 chuyên đề sau:

1. Truyền thống của phụ nữ Việt nam trước khi có Đảng.

2. Bác Hồ với phụ nữ miền Nam và phụ nữ miền Nam với Bác Hồ.

3. Quá trình hình thành và phát triển Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.

4. Phụ nữ miền Nam trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc từ sau ngày thống nhất đất nước.

5. Phụ nữ miền Nam trong đấu tranh chính trị.

6. Phụ nữ miền Nam trong các lực lượng vũ trang.

7. Phụ nữ miền Nam trong công tác ngoại giao.

8. Phụ nữ miền Nam trong các nhà tù thực dân - đế quốc.

9. Tín ngưỡng thờ bà.

10. Trang phục, trang sức của phụ nữ các dân tộc ở miền Nam.

11. Nghề dệt thủ công truyền thống.

Ngoài trưng bày cố định như trên, Bảo tàng Phụ nữ Nam bộ đã phối hợp với các đơn vị trong và ngoài nước thực hiện nhiều cuộc trưng bày chuyên đề tại bảo tàng và trưng bày lưu động ở các địa phương .

2.4. Công tác bảo quản

Bảo tàng hiện quản lý 31.360 hiện vật. Trong đó có 30.431 hiện vật trong kho và 929 hiện vật đang trưng bày; 16.739 hiện vật thể khối và 14.621 phim, ảnh, tài liệu khoa học phụ các loại; gần 2/3 là hiện vật loại hình chiến tranh cách mạng với hơn 1/3 là hiện vật văn hóa bao gồm nhiều chất liệu. Các hiện vật được chia thành 24 sưu tập theo chủ đề hoặc

theo chất liệu, trong đó có 06 sưu tập hiện vật quý hiếm. Hầu hết hiện vật được bảo quản theo đúng hướng dẫn của Cục Di sản Văn hóa theo từng chất liệu với ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm thích hợp. Hiện vật được quản lý trong máy tính theo phần mềm do Cục Di sản hướng dẫn. Mỗi năm có tiến hành xit mới một, bảo quản thường xuyên và bảo quản định kỳ hiện vật.

Bên cạnh việc sưu tầm tư liệu, hiện vật về những đóng góp của phụ nữ miền Nam trong chống ngoại xâm, từ năm 1994, Bảo tàng đã chú trọng sưu tầm tư liệu hiện vật về những đóng góp của phụ nữ miền Nam trong bảo tồn phát huy di sản văn hóa của dân tộc trong đó có hiện vật văn hóa phi vật thể liên quan đến lễ hội, tín ngưỡng, sinh hoạt văn hóa cộng đồng, làng nghề truyền thống v.v... trong đó, nổi bật vai trò người phụ nữ trong các hình thức sinh hoạt cộng đồng và trong đời sống gia đình. Đến nay, Bảo tàng đã có nhiều bộ sưu tập: chèo, bộ ăn trầu, trang phục, trang sức, dụng cụ nhà bếp, đồ dùng trong sản xuất nông nghiệp lúa nước v.v... Đó là chưa kể

hàng trăm giờ ghi hình phim tư liệu về văn hóa phi vật thể: dân ca, làng nghề truyền thống, lễ hội thờ Bà (Mẫu) .

2.5. Công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế

Công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế ngày càng được bảo tàng chú trọng và đạt được nhiều kết quả. Bảo tàng đã đưa hiện vật đi trưng bày ở các nước Bỉ, Hà Lan, phối hợp với Bảo tàng Chihiro (Nhật Bản) trưng bày tranh về chủ đề “Mẹ vắng nhà” (sưu tập tranh của cô nữ họa sĩ Chihiro sáng tác từ cảm xúc đọc tác phẩm “Người mẹ cầm súng” của nhà văn Nguyễn Thi), trưng bày búp bê truyền thống Nhật Bản tại Bảo tàng. Ngoài việc tham gia các cuộc hội nghị, hội thảo trong nước, cán bộ Bảo tàng còn tham gia hội nghị, hội thảo quốc tế như: Hội thảo quốc tế về bảo tàng khu vực Đông Nam Á do Hội đồng Bảo tàng Quốc tế (ICOM) tổ chức tại Lào và Campuchia (năm 2006), hội nghị quốc tế lần I về bảo tàng phụ nữ tại Italy với sự tham gia của đông đảo đại biểu từ 23 bảo tàng phụ nữ trên thế giới (năm 2008). Qua sự trao đổi, hợp tác, Bảo tàng đã có

dịp giới thiệu về truyền thống của phụ nữ Việt Nam nói riêng và lịch sử văn hóa dân tộc nói chung với bạn bè thế giới.

3. Bảo tàng Phụ nữ Nam bộ, góp phần giữ gìn, giáo dục lòng yêu nước, truyền thống tốt đẹp của phụ nữ miền Nam

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, phụ nữ Việt Nam nói chung và phụ nữ miền Nam nói riêng luôn thể hiện rõ những phẩm chất truyền thống tốt đẹp: lòng yêu nước, tinh thần quật cường chống giặc ngoại xâm; cần cù, thông minh, sáng tạo trong lao động sản xuất; có lòng nhân hậu, giàu tình yêu thương và đức hy sinh.

Ngày nay, phụ nữ miền Nam một mặt tiếp tục kế thừa và phát huy truyền thống đạo đức quý báu, những giá trị văn hóa, tinh thần vô giá mà các thế hệ trước đã để lại, mặt khác không ngừng hình thành, phát triển những phẩm chất tiên tiến phù hợp với các yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế, từng bước góp phần tạo dựng hình ảnh người phụ nữ Việt Nam hiện đại.

Tuy nhiên, trước những tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường và những ảnh hưởng tiêu cực của thời kỳ mở cửa, hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, việc gìn giữ, phát huy những phẩm chất đạo đức tốt đẹp của phụ nữ miền Nam đã gặp không ít khó khăn, thách thức. Một số phẩm chất truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam có phần bị mai một, ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam và đạo đức nhân phẩm của người phụ nữ. Chính vì vậy, vai trò của Bảo tàng Phụ nữ Nam bộ càng trở nên quan trọng trong việc góp phần giữ gìn, giáo dục lòng yêu nước, truyền thống tốt đẹp của phụ nữ miền Nam.

Trong quá trình hoạt động, Bảo tàng đã tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho khách tham quan như: Tham quan miễn phí tất cả các ngày trong tuần (kể cả ngày Lễ, Tết), khách tham quan không cần đăng ký trước và có thể tham gia các chương trình có giải thưởng hàng tháng mà Bảo tàng đề ra, ... Ngoài ra, nhằm thu hút thế hệ trẻ ôn lại truyền thống, thực hiện công tác xã hội hóa hoạt động bảo

tàng, Bảo tàng tổ chức nhiều cuộc họp mặt giao lưu các Bà mẹ Việt Nam anh hùng và phụ nữ tiêu biểu ở các tỉnh thành miền Nam, họp mặt giao lưu nữ thanh niên xung phong, nữ tù chính trị, nữ nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú, nữ quản lý doanh nghiệp, anh hùng lực lượng vũ trang v.v..., các cuộc sinh hoạt hè của học sinh, sinh viên, hội thi tìm hiểu truyền thống phụ nữ Việt Nam, hội thi nấu ăn của trẻ em khuyết tật, hội chợ hàng tiêu dùng cho phụ nữ. Bảo tàng đã tổ chức Hội thảo khoa học về Mẹ dạy con, về trẻ em đường phố, nữ nhà báo hy sinh trong kháng chiến v.v..

Cán bộ tuyên truyền của bảo tàng đi tuyên truyền, nói chuyện chuyên đề về truyền thống phụ nữ ở nhiều địa phương, đơn vị, trường học, ... nhân các ngày lễ Quốc tế phụ nữ 8/3 hoặc ngày thành lập Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam 20/10. Ứng dụng đề tài nghiên cứu khoa học “Trang phục Phụ nữ miền Nam qua các thời kỳ lịch sử”, Bảo tàng tổ chức 08 buổi trình diễn trang phục truyền thống thu hút được hàng ngàn công chúng tham dự. Bảo tàng còn vận động các cơ

quan, đơn vị, các phương tiện thông tin đại chúng như Đài truyền hình Việt Nam, Đài phát thanh Thành phố, HTV, Báo Người Lao động, Báo Sài Gòn Giải phóng, Tạp chí Công nghiệp, Báo Tình thương Cuộc sống và các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố hàng năm tài trợ và đồng tổ chức các hoạt động cho phụ nữ và trẻ em với chi phí hàng chục tỷ đồng trong những năm qua.

Trong quá trình đi sưu tầm tư liệu - hiện vật, tiếp xúc nhân chứng lịch sử và một số hoạt động khác, Bảo tàng Phụ nữ Nam bộ đã góp phần hướng dư luận đến một số vấn đề mà Đảng, Nhà nước và xã hội quan tâm, tác động tích cực đến việc giải quyết chính sách cho những người có công với nước, chính sách xã hội đối với cựu nữ tù chính trị, nữ thanh niên xung phong, Cụ thể là việc đề nghị tỉnh Tiền Giang lập nhà lưu niệm Bà Nguyễn Thị Thập, đề xuất phong tặng danh hiệu anh hùng cho liệt sĩ Bé Sáu ở Tiền Giang. Những nội dung này đã thể hiện tinh thần “uống nước nhớ nguồn”, đền ơn đáp nghĩa của thế hệ sau với những

người đi trước đã cống hiến tuổi xuân và xương máu của mình cho Tổ quốc. Từ số tiền tiết kiệm được trong các cuộc họp mặt, hội thi có sự vận động các nhà hảo tâm đóng góp, Bảo tàng đã xây dựng 14 nhà tình thương, tình nghĩa cho các đối tượng phụ nữ nghèo ở một số tỉnh .

Từ năm 2010 cho đến nay, Bảo tàng Phụ nữ Nam bộ đã không ngừng nỗ lực đổi mới hoạt động của mình trên cơ sở gắn giáo dục truyền thống đấu tranh cách mạng của phụ nữ miền Nam với những vấn đề thời đại như: Biến đổi khí hậu, vấn đề dân số, giữ gìn bản sắc gia đình Việt Nam, xây dựng nông thôn mới... đã tác động đến đời sống và phản ánh rõ nét vai trò của phụ nữ trong đời sống đương đại. Việc đa dạng hình thức hoạt động, giáo dục của Bảo tàng Phụ nữ Nam bộ để Bảo tàng gần với công chúng.

4. Một số đề xuất

Để phát huy hơn nữa vai trò của Bảo tàng Phụ nữ Nam bộ trong việc giữ gìn, giáo dục lòng yêu nước, truyền thống tốt đẹp của phụ nữ miền Nam, trong thời gian tiếp theo

Bảo tàng Phụ nữ Nam bộ phải tiếp tục có nhiều hoạt động đổi mới, đổi mới từ tư duy, nhận thức đến thay đổi hình ảnh bảo tàng một cách toàn diện nhằm thu hút ngày càng nhiều khách tham quan đến với Bảo tàng.

Chúng tôi tán thành với những đề xuất của tác giả Nguyễn Thị Bích Vân đưa ra trong bài nghiên cứu “Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam làm gì để thu hút khách tham quan” đăng trên tạp chí di sản văn hóa, số 04/2013 và thiết nghĩ nó cũng phù hợp với định hướng phát triển của Bảo tàng Phụ nữ Nam bộ.

Đó là những đề xuất để thu hút khách tham quan đến với Bảo tàng như:

Một là, tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền và quảng bá Bảo tàng qua các kênh truyền thông đại chúng; các ấn phẩm du lịch; các trang mạng xã hội, website; facebook; các ấn phẩm truyền thông của Bảo tàng, như tờ rơi, tờ gấp...

Hai là, chuẩn bị tốt các điều kiện để đón khách: Môi trường vệ sinh; điều hòa; tác phong, thái độ ứng xử giao tiếp của đội ngũ nhân viên phục vụ; hệ

thống bảng biển chỉ dẫn, thuyết minh phục vụ khách; nhà hàng phục vụ đồ uống và các món ăn phù hợp với nhu cầu của khách... để nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ phục vụ một cách tốt nhất.

Ba là, tiếp tục thực hiện tốt việc tổ chức điều tra, lấy ý kiến phản hồi của khách. Tất cả ý kiến, cảm tưởng của họ phải được ghi nhận kịp thời, phân tích nghiên cứu cẩn thận, qua đó nắm bắt được nhu cầu, thị hiếu của khách để có những điều chỉnh kịp thời trong quá trình triển khai công việc cũng như những định hướng phù hợp trong chiến lược phát triển của Bảo tàng.

Bốn là, hợp tác với các công ty du lịch, lữ hành; các trường học, Hội Phụ nữ các cấp... để xây dựng các chương trình, kế hoạch nhằm thu hút khách. Đặc biệt, thông qua việc hợp tác; Bảo tàng phải khảo sát, đánh giá sự tăng trưởng và nhu cầu của khách tham quan hiện nay. Từ đó xác định làm gì để thu hút khách nhiều hơn? Công chúng đến Bảo tàng sẽ có được gì khác hơn khi đến với các địa chỉ khác?...

Năm là, Bảo tàng sẽ khai thác nhiều chủ đề trưng bày mà công chúng quan tâm từ việc đổi mới nội dung trưng bày và phương pháp tiếp cận. Nội dung các cuộc trưng bày chuyên đề sẽ không chỉ dừng lại ở những vấn đề lịch sử hay cách mạng mà hướng đến những vấn đề của cuộc sống đương đại; nhóm phụ nữ yếu thế, thiệt thòi với những câu chuyện đời thường. Các cuộc triển lãm mang tính phản biện xã hội sâu sắc, thể hiện được tiếng nói của người trong cuộc cũng như của cộng đồng. Nội dung trưng bày đa dạng nhưng trọng tâm, có điểm nhấn và thể hiện được câu chuyện của mỗi hiện vật.

Sáu là, triển khai tổ chức các chương trình biểu diễn gắn với nội dung đang trưng bày thông qua một số bộ môn nghệ thuật truyền thống. Qua đó, Bảo tàng sẽ trở nên sống động, hấp dẫn công chúng hơn, đồng thời khẳng định được vai trò khuyến khích cộng đồng tham gia các hoạt động của Bảo tàng.

Bảy là, không ngừng nâng cao trình độ cho đội ngũ thuyết minh, nâng cao chất lượng phục vụ,

hướng tới thực hiện tốt sứ mệnh của Bảo tàng đến với du khách.

Tám là, ứng dụng công nghệ hiện đại vào hoạt động bảo tàng thông qua việc đầu tư máy móc thiết bị hiện đại phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách tham quan.

Chín là, thúc đẩy hoạt động hợp tác quốc tế, tìm kiếm cơ hội nguồn lực để tham gia và tổ chức các hội thảo trong nước và quốc tế để nâng cao trình độ, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ; tổ chức các sự

kiện văn hóa; các triển lãm chuyên đề... hấp dẫn, nhằm thu hút ngày càng đông khách tham quan.

Làm tốt các nội dung trên sẽ giúp Bảo tàng Phụ nữ Nam bộ thu hút nhiều du khách đến với mình hơn và qua đó sứ mệnh của mình, đó là giữ gìn, giáo dục lòng yêu nước, truyền thống tốt đẹp của phụ nữ miền Nam. Đồng thời mở ra những khả năng cho hội thoại và trao đổi với cộng đồng để phát triển bảo tàng một cách bền vững, góp phần thúc

đẩy bình đẳng giới.

Tài liệu tham khảo:

1. Lê Thị Quý, *Xã hội học giới*, NXB Giáo dục VN, Hà Nội, 2009.

2. Lê Thị, *Phụ nữ và bình đẳng giới trong đổi mới ở Việt Nam*, NXB Phụ Nữ, Hà Nội, 1996.

3. Nguyễn Thị Bích Vân (2013), “Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam làm gì để thu hút khách tham quan”, *Tạp chí di sản văn hóa*, số 4, tr102-106. ▲

TRAO 51 GIẢI THƯỜNG...

Tiếp thao trang 2

giáo và các em học sinh. Từ đó, động viên, khuyến khích các em tham gia nghiên cứu tạo ra những sản phẩm chất lượng đa dạng và nâng cao chất lượng thường xuyên

Ngay sau buổi lễ, ông Lê Nhật Nam - Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo đã phát động Cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu niên, nhi đồng tỉnh Bình Dương năm 2019 và kêu gọi sự tham gia, hưởng ứng từ các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện hơn nữa để thu hút đông đảo thanh thiếu niên, nhi đồng tham gia, tạo ra phong trào thi đua sôi nổi trong lĩnh vực sáng tạo khoa học và công nghệ

Được biết, cuộc thi này do Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo và Tỉnh đoàn tổ chức. ▲

Ngọc Loan

Xác định sự hiện diện của gen quy định protein điều chỉnh miễn dịch trong nấm Hoàng chi ở Việt Nam

Nấm hoàng chi (*Ganoderma colosum* Donk) là một loại nấm quý hiếm của Việt Nam đã được nhiều công trình chứng minh có thành phần hoạt chất đa dạng với hoạt tính sinh học rất cao như kháng khuẩn, kháng HIV tuýp 1, ức chế tế bào ung thư gan. Mặc dù với thành phần hoạt chất được biết khá đa dạng, song các nghiên cứu hiện nay chủ yếu mới tập trung vào các triterpenoid như colosso-lactones (A-G), phenolic còn các thành phần khác vốn đã được biết có vai trò rất quan trọng trong họ Linh chi như polysaccharide hay protein thì vẫn còn rất ít thông tin đề cập, chẳng hạn ở các nấm đặc thù tại Việt nam như *Ganoderma colossum*.

Để tìm hiểu protein và vai trò của nó từ nấm Hoàng chi, Ths. Nguyễn Bá Tư, Trường Đại học Thủ Dầu Một và các cộng sự đã thực hiện đề tài “Xác định sự hiện

diện của gen quy định protein điều chỉnh miễn dịch trong nấm Hoàng chi (*Ganoderma colosum* Donk) ở Việt Nam với mục tiêu: Đánh giá điều kiện nhiệt độ, độ pH ảnh hưởng lên sự sinh trưởng của hệ sợi nấm Hoàng chi trong môi trường dịch thể; xác định gen quy định protein FIP từ nấm Hoàng chi và thu nhận protein FIP từ nấm Hoàng chi, thử nghiệm hoạt tính khử máu.

Nhóm nghiên cứu tiến hành nuôi cấy hệ sợi nấm Hoàng chi để thu nhận sinh khối: Hệ sợi nấm hoàng chi được nuôi cấy trong môi trường PDA trong ống thạch nghiên sau đó chuyển sang nuôi cấy trên đĩa petri. Kết quả có sự khác biệt về hình thái hệ sợi nấm Hoàng chi so với Linh chi chuẩn khi nuôi cấy trên môi trường PDA trên đĩa petri.

Qua nghiên cứu sự ảnh hưởng của điều kiện pH và nhiệt độ môi

trường lên sự sinh trưởng của hệ sợi nấm Hoàng chi trong điều kiện nuôi cấy hệ dịch thể cho thấy, sự thay đổi pH môi trường đáp ứng với sự sinh trưởng của hệ sợi nấm. Hệ sợi của các loài nấm sợi nói chung có thể sinh trưởng trong một dải pH khá rộng. Trong nghiên cứu này đã xác định được pH tối ưu cho sự sinh trưởng của hệ sợi nấm Hoàng chi trong môi trường dịch thể PD thông qua việc khảo sát dải pH từ 4-7 để thu sinh khối sau 7 ngày và 14 ngày. Sinh khối hệ sợi nấm Hoàng chi chịu ảnh hưởng rất lớn bởi yếu tố nhiệt độ, sinh khối tạo ra lớn nhất khi nuôi cấy tại 280C, sinh khối giảm dần khi nhiệt độ nuôi cấy lớn hơn hoặc nhỏ hơn 280C.

Theo Zhou (2007), để nghiên cứu được gen quy định protein FIP trong nấm Hoàng chi, tiến hành ly trích DNA tổng số từ hệ sợi nấm thu nhận được ở quá trình nuôi cấy

dịch thể, sử dụng phương pháp HSLP. DNA nấm Hoàng chi được kiểm tra đánh giá nồng độ và độ tinh sạch bằng máy quang phổ UV. Để xác định được sự hiện diện của gen quy định protein điều chỉnh miễn dịch FIP trong nấm Hoàng Chi, thực hiện phản ứng PCR đoạn gen ly trích được từ nấm Hoàng chi với cặp mồi LZ8, sử dụng đoạn gen của nấm Linh chi làm đối chứng dương. Kết quả di khuếch đại đoạn gen quy trên gel cho thấy có sự xuất hiện của đoạn gen quy định protein điều chỉnh miễn dịch FIP trong nấm Hoàng chi; kết quả giải trình tự nucleotide, trình tự amino tương ứng và so sánh với ngân hàng genbank cho thấy là thành phần của protein quy định bởi gen FIP trong nấm hoàng chi cũng tương tự như protein LZ8. Như vậy, protein miễn dịch FIP trong nấm hoàng chi được quy định bởi trình tự đoạn gen đã được nhận dạng.

Sau khi nuôi cấy tăng sinh khối trong môi trường dịch thể, nhóm nghiên cứu tiến hành thu sinh khối và xác định

khối lượng của protein FIP bằng phương pháp chạy sắc ký lọc gel, sau đó tiến hành thử nghiệm phản ứng khử máu. Kết quả có thể xác định protein thu nhận từ nấm Hoàng chi cũng có hoạt tính khử máu tương tự như các protein FIP khác đã được tìm thấy. Tuy nhiên, để nghiên cứu sâu hơn về tính miễn dịch của protein FIP từ nấm Hoàng chi thì cần bố trí thực hiện thêm các thí nghiệm chuyên sâu hơn.

Qua kết quả nghiên cứu tổng thể, nhóm tác giả kết luận như sau: Trong môi trường nuôi cấy dịch thể, ở điều kiện nhiệt độ là 280C và pH môi trường nuôi cấy ban đầu là 5 thí sinh khối hệ sợi nấm Hoàng chi thu được cao nhất sau 7 ngày nuôi cấy là 450 mg/100ml và sau 14 ngày là 630mg/100ml. Sự thay đổi pH môi trường đáp ứng với sự sinh trưởng của hệ sợi nấm;

Có sự hiện diện của gen quy định protein điều chỉnh miễn dịch trong nấm Hoàng chi thông qua phản ứng PCR với cặp mồi LZ8 và xác định

được band điện di có kích thước 312bp; kết quả giải trình tự đoạn gen xác định và thực hiện so sánh với ngân hàng gen cho kết quả tương đồng các nucleotide đạt 99% với đoạn gen quy định LZ8.

Từ kết quả chạy sắc ký lọc gel và điện li protein xác định được khối lượng protein điều chỉnh miễn dịch ở nấm hoàng chi; protein điều chỉnh miễn dịch ở nấm Hoàng chi có hoạt tính làm tan máu trong thử nghiệm phản ứng khử máu với máu người ở cả 4 nhóm máu A, B, AB và O và ngược lại đối với máu cừu.

Từ những kết quả đạt được, nhóm nghiên cứu cũng đưa ra một số kiến nghị đề đánh giá khả năng điều chỉnh miễn dịch của protein FIP và một số nghiên cứu khác liên quan đến từ nấm hoàng chi.

(Xem toàn văn đề tài “Xác định sự hiện diện của gen quy định protein điều chỉnh miễn dịch trong nấm Hoàng chi ở Việt Nam” tại Trung tâm Thông tin và Thống kê KHCN) ▲

Quy định về chữ ký số và chứng thư số

Chính phủ ban hành Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 quy định chi tiết về chữ ký số và chứng thư số; việc quản lý, cung cấp và sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/11/2018.

Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, tổ chức quản lý, cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số; cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số trong giao dịch điện tử.

Theo đó, chứng thư số cấp cho chức danh nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức phải nêu rõ chức danh và tên cơ quan, tổ chức của người đó. Và chữ ký số của đối tượng được cấp chứng thư số theo quy định trên chỉ được sử dụng để thực hiện các giao dịch theo đúng thẩm quyền của cơ quan, tổ chức và chức danh được cấp chứng thư số.

Chữ ký số được tạo ra bằng việc sử dụng khóa bí mật tương ứng với khóa công khai ghi trên chứng thư số do một trong các tổ chức sau: Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia; Tổ chức cung cấp dịch vụ

chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ; Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng; Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng được quy định tại Điều 40 của Nghị định này.

Về giá trị pháp lý của chữ ký số, Nghị định quy định, trong trường hợp pháp luật quy định văn bản cần có chữ ký thì yêu cầu đối với một thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng nếu thông điệp dữ liệu đó được ký bằng chữ ký số và chữ ký số đó được đảm bảo an toàn theo quy định.

Về điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số, Nghị định quy định chữ ký số được xem là chữ ký điện tử an toàn khi đáp ứng các điều kiện sau: Chữ ký số được tạo ra trong thời gian chứng thư số có hiệu lực và kiểm tra được bằng khóa công khai ghi trên chứng thư số đó; chữ ký số được tạo ra bằng việc sử dụng khóa bí mật tương ứng với khóa công khai ghi trên chứng thư số; khóa bí mật chỉ thuộc sự kiểm soát của người ký tại thời điểm ký. ▲

Thanh Bình